

# BÁO CÁO TRIỂN VỌNG NGÀNH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI TẠI VIỆT NAM

1. NGÀNH ĐIỆN MẶT TRỜI VIỆT NAM.....	3
1.1 Thực trạng ngành điện mặt trời .....	3
1.2. Chuỗi giá trị ngành điện mặt trời.....	3
1.3 Triển vọng ngành điện mặt trời tại Việt Nam.....	9
2. DỰ THẢO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII.....	12
3. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP ĐIỆN MẶT TRỜI NIÊM YẾT.....	13

*Đổi đơn vị:*

*1 TW = 1.000 GW = 1.000.000 MW = 1.000.000.000 kW = 1.000.000.000.000 W*

*1 TWh = 1.000 GWh = 1.000.000 MWh = 1.000.000.000 kWh = 1.000.000.000.000 Wh*

## 1. NGÀNH ĐIỆN MẶT TRỜI VIỆT NAM

### 1.1 Thực trạng

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2020, với các cơ chế khuyến khích của Chính phủ, điện mặt trời đã có sự phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam. Nếu như giai đoạn 2014 – 2015 tổng công suất lắp đặt điện mặt trời khoảng 3.800 MW thì năm 2020 con số này đạt 16.500 MW - chiếm khoảng 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện quốc gia.

**Bù đắp nhờ cơ chế hấp dẫn:** Để đạt được con số trên đây, ngoài lý do cơ bản là các trang trại điện mặt trời (ĐMT) hoàn thành xây dựng chỉ trong vòng 6 - 9 tháng, thì giá FiT mới chính là cú hích cho loại hình nguồn điện này phát triển nhanh. Giá FiT (Feed-in Tariffs) - biểu giá điện hỗ trợ là công cụ chính sách được thiết kế để thúc đẩy đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo. Thời hạn của hợp đồng mua bán điện đối với các dự án điện mặt trời là 20 năm (kể từ ngày vận hành thương mại) và giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD. Biểu giá theo cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) - FiT được hưởng 20 năm, được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng Việt Nam với đô la Mỹ.

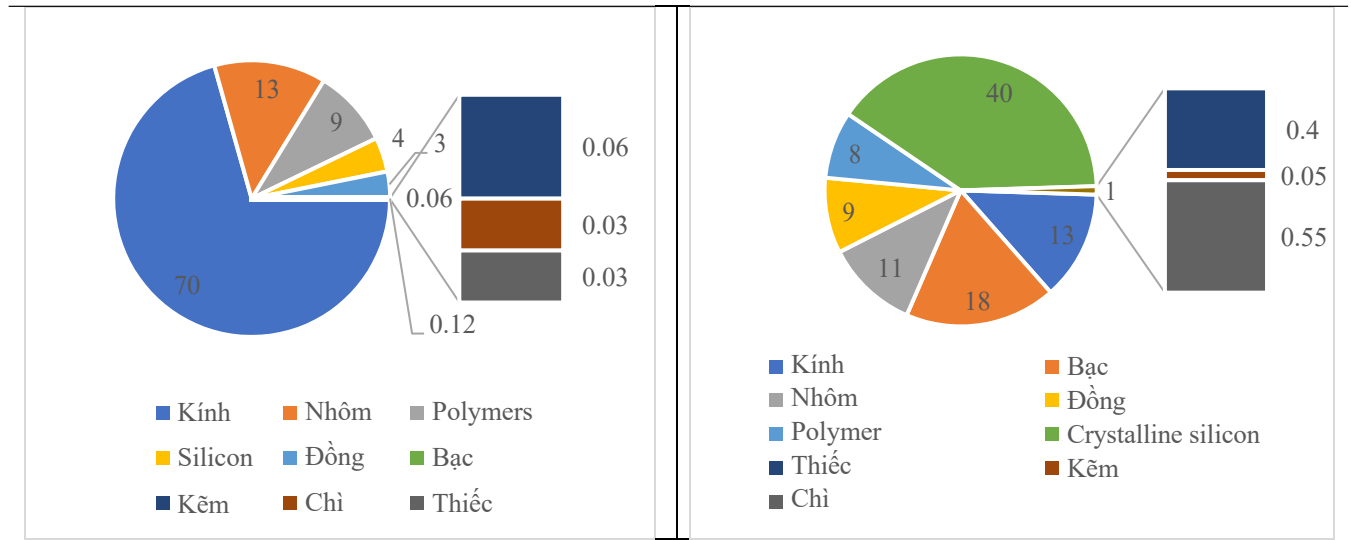
### 1.2 Chuỗi giá trị ngành điện mặt trời tại Việt Nam

*1.2.1 Module pin năng lượng mặt trời phụ thuộc vào nhập khẩu hoặc từ các doanh nghiệp FDI trong nước*

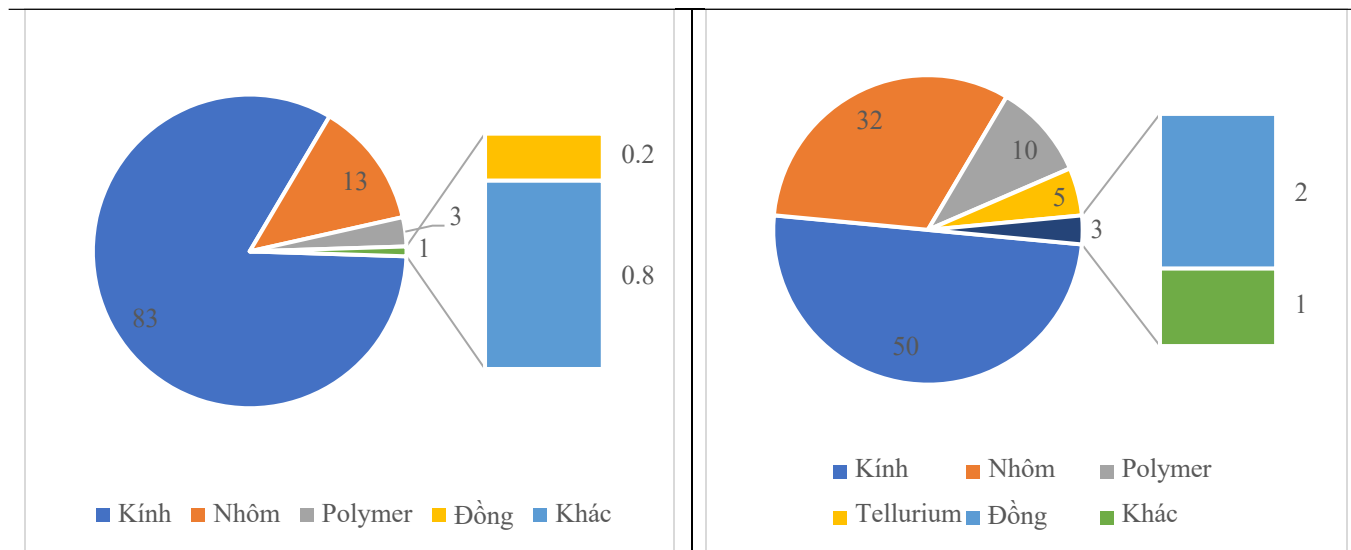
Hiện tại, Việt Nam mới chỉ có 9 nhà máy sản xuất tấm mô đun quang điện (PV), trong đó chỉ có hai công ty do Việt Nam làm chủ, đó là: IREX Solar (Vũng Tàu) và Công ty CP Năng lượng Mặt Trời Đỏ (TP Hồ Chí Minh) nhưng sản lượng cung cấp ra thị trường rất ít nên hầu hết các module pin mặt trời được nhập khẩu từ nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc) và do các doanh nghiệp FDI sản xuất chiếm ưu thế gần như tuyệt đối trên thị trường.

Hiện nay, công nghệ sản xuất pin năng lượng mặt trời chủ yếu là công nghệ quang điện (PV) trong đó thì dạng modules đơn tinh thể (Monocrystalline silicon) và đa tinh thể (Multicrystalline silicon) chiếm tỷ lệ hơn 95% tổng sản lượng toàn cầu còn lại là dạng modules Film mỏng (Thin film). Xu hướng này ngày càng tăng lên khi hiệu quả sử dụng dạng C- silicon (hiệu suất hoạt động: 12 -24 %) cao hơn dạng film mỏng (9%) vì có tuổi thọ kéo dài, có thể chịu được các điều kiện khắc nghiệt, có khả năng chịu nhiệt và chi phí lắp đặt thấp. Hơn thế nữa, silicon thân thiện với môi trường và có thể tái chế trong khi đó film mỏng có cấu trúc phức tạp và chiếm nhiều diện tích.

**Tỷ trọng thành phần dựa trên công nghệ sản xuất C – silicon theo khối lượng (trái) và giá trị (phải)**



**Tỷ trọng thành phần dựa trên công nghệ sản xuất Thin – Film theo khối lượng (trái) và giá trị (phải)**



**1.2.2 Chi phí sản xuất liên tục giảm**

Có thể thấy rằng chi phí sản xuất module pin năng lượng mặt trời liên tục giảm qua các năm nhờ sự tiến bộ về khoa học công nghệ từ mức 1.6 USD/W năm 2010 xuống còn trung bình khoảng 0.3 USD/W năm 2021. Trong khi đó chi phí sản xuất tại Trung Quốc chỉ là 0.24 USD/W còn một số quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam thì chi phí này cao hơn 5%, khoảng 0.26 USD/W trong khi châu Âu là 0.33 USD/W, Mỹ khoảng 0.3 USD/W do hầu hết module pin sử dụng tại Châu Âu và Mỹ đều phải nhập khẩu từ Trung Quốc và Đông Nam Á nên phát sinh chi phí vận chuyển. Điều này

cũng cho thấy lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong việc phát triển năng lượng mặt trời cũng như thu hút đầu tư vốn nước ngoài cho lĩnh vực này

Dự báo chi phí đầu tư điện mặt trời sẽ tiếp tục giảm trong những năm tiếp theo nhờ sự tiến bộ của công nghệ sản xuất, tối ưu hóa sản phẩm cũng như sự cạnh tranh mạnh hơn bởi có sự tham gia của nhiều nhà sản xuất trong lĩnh vực này.

**Chi phí đầu tư điện mặt trời giai đoạn 2020 - 2045**

		Chi phí xây dựng (kUSD/MW)	Chi phí vận hành và bảo trì cố định (kUSD/MW)	Tuổi thọ (năm)
ĐMT quy mô lớn	2020 - 2024	1,009	9.2	20
	2025 - 2029	911	8.25	
	2030 - 2039	806	7.3	
	2040 - 2045	696	6.75	
ĐMT áp mái	2020 - 2024	1,009	18.56	20
	2025 - 2029	911	16.53	
	2030 - 2039	806	14.51	
	2040 - 2045	696	12.91	

*Nguồn: Dự thảo quy hoạch điện 8*

Chi phí sử dụng đất cho những dự án phát triển điện mặt trời nói chung và năng lượng tái tạo nói riêng đã đang và sẽ tiếp tục được ưu đãi từ chính phủ so với lĩnh vực khác nhằm khuyến khích nhà đầu tư tham gia sâu rộng vào các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Chi phí sử dụng đất được cập nhật từ các quyết định của UBND các tỉnh về bảng giá đất hiện tại và dự kiến, giá đất cho các công trình năng lượng tái tạo được giả thiết lấy theo giá đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm và lâu năm), cụ thể theo các vùng như sau:

**Chi phí sử dụng đất cho công trình điện mặt trời quy mô lớn**

Vùng	Dải chi phí sử dụng đất (USD/m <sup>2</sup> )	Chi phí sử dụng đất trung bình (USD/m <sup>2</sup> )
Bắc Bộ	1.65 - 4.78	2.75
Bắc Trung Bộ	1.52 - 4.35	2.88
Trung Trung Bộ	1.3 - 4.35	2.57
Tây Nguyên	3.26 - 5.87	4.57
Nam Trung Bộ	3.35 - 18.5	6 - 8.5
Nam Bộ	3.13 - 19.57	6 - 10.3

*Nguồn: bảng giá đất của UBND các tỉnh năm 2020*

*1.2.3 Giá bán điện mặt trời được ưu đãi từ Chính phủ*

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích khác nhau cho các loại hình điện năng lượng tái tạo đặc biệt là nguồn điện mặt trời. Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời thông qua Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ban hành ngày 11/4/2017 cho các nhà máy điện mặt trời mặt đất và một chế độ hỗ trợ bù trừ điện năng (tín dụng bù trừ điện năng) tại cùng một mức giá cho lượng điện dư thừa nối lưới đối với hệ thống điện mặt trời áp mái. Quy định mang tính bước ngoặt này đã đem đến cơ hội được đầu tư cho hơn 100 nhà máy điện mặt trời mặt đất với công suất 4,500 MWp vào cuối năm 2019.

Sau khi FIT đầu tiên hết hạn vào tháng 6/2019, Chính phủ đã ban hành một quy định tiếp theo cùng với một quy định điều chỉnh về giá FIT cho các hệ thống điện mặt trời trên mặt đất và trên mái nhà theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg do Thủ tướng ban hành ngày 6/4/2020 quy định về FIT mới áp dụng cho các hệ thống điện mặt trời được đưa vào vận hành thương mại trước ngày 31/12/2020 vẫn giữ nguyên những đặc điểm chính của quy định đầu tiên về FIT với giá điện mặt trời nối lưới giảm nhẹ xuống còn 1,943 VNĐ/kWh (8.38 cent USD/kWh).

**Cơ chế khuyến khích giá mua điện từ Chính phủ**

Đợt					Hiệu lực
Fit 1	Cho các dự án điện mặt trời vận hành thương mại (COD) trước	Các dự án điện mặt trời nối lưới		9.35 Uscent/KWh	20 năm

	ngày 30/06/2019				
Fit 2	cho các dự án điện mặt trời nổi lưới vận hành thương mại (COD) trước ngày 1 tháng 1 năm 2021.	Dự án điện mặt trời nổi	1,783 VND/KWh	7.69 Uscent/KWh	20 năm
		Dự án điện mặt trời mặt đất	1,644 VND/KWh	7.09 Uscent/KWh	
		Dự án điện mặt trời áp mái	1,943 VND/KWh	8.38 Uscent/KWh	
Fit 3 (tạm thời)	Cho các dự án điện mặt trời chuyển tiếp	Điện mặt trời mặt đất		5.05 Uscent/KWh	
		Điện mặt trời nổi		6.43 Uscent/KWh	

Ngày 07/01/2023, Bộ Công Thương (BCT) đã công bố Quyết định 21/QĐ-BCT chính thức phê duyệt khung giá trần cho các dự án NLTT chuyển tiếp trở hện chính sách ưu đãi FIT trước đó hết hạn vào tháng 11/2021. Nhìn chung, cơ chế giá mới trung bình thấp hơn 23% so với giá FIT, điều này phần nào làm giảm sự hấp dẫn trong việc kêu gọi đầu tư NLTT, nhất là nguồn vốn ngoài nhà nước do sự đầu tư ồ ạt vào lĩnh vực năng lượng mặt trời trong 3 năm vừa qua.

**Cơ chế khuyến khích đối với dự án điện mặt trời nổi lưới**

Cơ chế khuyến khích tài chính	Cụ thể
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế suất thuế TNDN: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 4 năm đầu kể từ năm có thu nhập chịu thuế: 0%.</li> <li>- 9 năm tiếp theo: 5%</li> <li>- 2 năm tiếp theo: 10%</li> <li>- Các năm còn lại: 20%</li> </ul>
Thuế nhập khẩu	Hàng hóa nhập khẩu làm tài sản cố định, vật liệu và bán thành phẩm không được sản xuất trong nước.  Nhà đầu tư nên kiểm tra Danh mục các hàng hóa và sản phẩm được miễn thuế nhập khẩu hàng năm được Bộ KHĐT công bố.
Sử dụng đất	Tiền thuê đất ưu đãi theo quy định của tỉnh
Phí bảo vệ môi trường	0%
Đầu tư	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cho vay lên tới 70% tổng chi phí đầu tư với lãi suất tương đương với mức lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng với 1%/năm.

*Nguồn: EVN*

**Phân tích SWOT ngành năng lượng mặt trời tại Việt Nam**

<p><b>Điểm mạnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lý rất thuận lợi cho phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời...</li> <li>- Chi phí sản xuất thấp hơn so với hầu hết các quốc gia khác đặc biệt là chi phí module pin năng lượng mặt trời.</li> </ul>	<p><b>Điểm yếu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào cũng như các công ty FDI trong nước.</li> <li>- Quy hoạch điện chưa đồng bộ khi phần lớn các dự án điện tập trung tại phía Nam hoặc một số tỉnh trọng yếu như Ninh Thuận – Bình Thuận trong khi hệ thống đường dây tải điện lại không đủ để đáp ứng nhu cầu tải điện.</li> </ul>
<p><b>Cơ hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xu hướng phát triển xanh đang và sẽ mạnh mẽ hơn trong những năm tới .</li> <li>- Sự hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa từ Chính phủ từ thuế, vốn vay, tiền thuê đất...</li> <li>- Giá bán điện mặt trời cũng cao hơn so với giá điện từ các nguồn truyền thống như (thủy điện, than, khí)</li> </ul>	<p><b>Thách thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ chế mua bán điện hiện tại đã hết hiệu lực trong khi cơ chế mới chưa có gây tình trạng hoang mang cho các chủ đầu tư đã đưa vào vận hành thương mại nhưng chưa có cơ chế mua bán điện.</li> <li>- Nhiều dự án đã được phê duyệt đầu tư nhưng do những nguyên nhân khác nhau dẫn tới chậm trễ đã ảnh hưởng tới kế hoạch cung cấp điện</li> </ul>

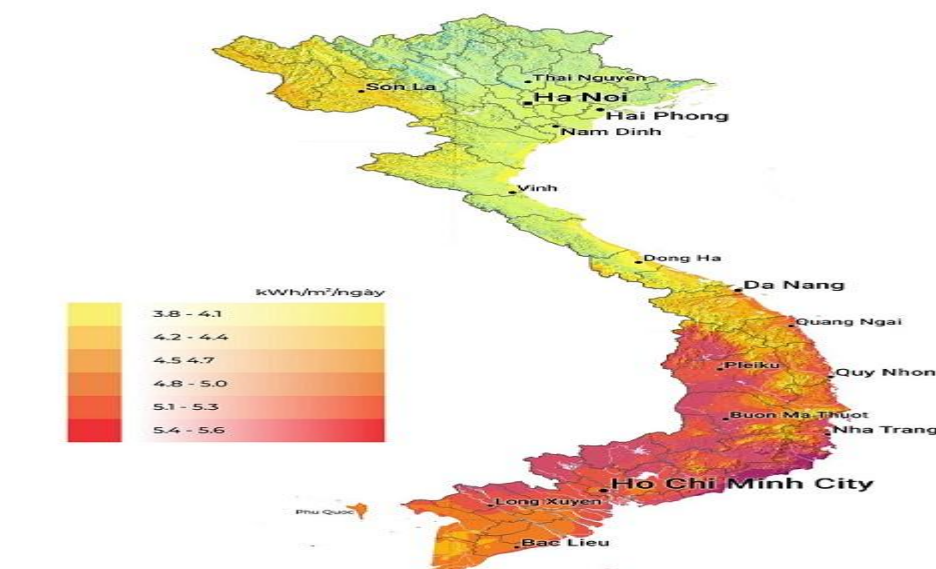
**1.3 Triển vọng ngành điện mặt trời tại Việt Nam**

Việt Nam có tiềm năng lớn về NLMT, do ở gần xích đạo và tồn tại những vùng khô nắng nhiều như các tỉnh Nam Trung bộ, với tổng số giờ nắng cao lên đến 2,500 giờ/năm, tổng lượng bức xạ trung bình năm vào khoảng 230-250 kcal/cm<sup>2</sup>/ngày. Vì thế, sử dụng năng lượng mặt trời cho phép phát huy tiềm năng sẵn có để đáp ứng nhu cầu điện tăng cao và phù hợp với chiến lược phát triển năng lượng trong thời gian tới

Nhờ những ưu đãi về đầu tư xây dựng và giá bán điện cao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ biểu giá FIT của Chính phủ, đã thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Vì thế, tuy chỉ bắt đầu xây dựng nhà máy điện mặt trời từ năm 2015, đến giữa năm 2019 Việt Nam đã có hàng trăm dự án NLMT được ra đời. Chỉ trong chưa đầy hai năm (từ 2019 đến 2020), tổng công suất lắp đặt của điện mặt trời ở Việt Nam vươn lên đến đứng đầu Đông Nam Á.



### Bản đồ bức xạ mặt trời tại Việt Nam



Nguồn: ESMAP/WB

Tại Việt Nam, sở hữu số giờ nắng nhiều như vậy và không có sự chênh lệch quá lớn ở mỗi vùng thì khu vực nào cũng có tiềm năng về điện năng lượng mặt trời. Tại khu vực miền Nam, lượng bức xạ mặt trời nhìn chung ở mức ổn định. Ở khu vực miền Bắc, lượng bức xạ mặt trời vào mùa hạ và mùa thu khá cao cũng gần tương đương khu vực miền Nam, nhưng vào mùa Đông và mùa Xuân thì lượng bức xạ ánh sáng bị giảm và giữ chỉ số không quá cao.

Vùng	Cường độ bức xạ mặt trời (kWh/m <sup>2</sup> /ngày)	Ứng dụng điện mặt trời
Đông Bắc	3.3 – 4.1	Trung bình
Tây Bắc	4.1 – 4.9	Trung bình
Bắc Trung Bộ	4.6 – 5.2	Tốt
Tây Nguyên và Nam Trung Bộ	4.9 – 5.7	Rất tốt
Nam Bộ	4.3 – 4.9	Rất tốt
Cả nước	4.6	Tốt

Khu vực Bắc bộ và bắc trung bộ	- Nắng nhiều vào tháng 5 – 7, số giờ nắng nhiều nhất vào tháng 5, khoảng 6-7h/ngày.
--------------------------------	---

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cường độ bức xạ mặt trời trung bình cao nhất khoảng tháng 4-5 từ 3.3-4.9 kwh/m2/ngày.</li> <li>- Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lai Châu, Sơn La... có nắng nhiều, bình quân 1,600-2,000 giờ nắng/năm</li> </ul>
Khu vực Trung bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian nắng nhiều nhất trong ngày từ 8h-10h.</li> <li>- Cường độ bức xạ trong khoảng 4.6-5.7kwh/m2/ngày.</li> <li>- Các tỉnh Quảng Trị tới Bình Định là những nơi có nắng nhiều, bình quân 1,700-2,600 giờ nắng/năm.</li> </ul>
Khu vực Nam trung bộ và Nam bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắng nhiều vào các tháng 1,2,3, thời gian nắng nhiều từ 6h-17h.</li> <li>- Cường độ bức xạ mặt trời từ 4.3-4.9 kwh/m2/ngày.</li> <li>- Khu vực này có nắng nhiều quanh năm, bình quân 2,200-2,500 giờ nắng/năm</li> </ul>

### Tiềm năng công suất điện mặt trời mặt đất

Khu vực	Công suất (GW)	Sản lượng điện (TWh/năm)
Bắc bộ và Bắc trung bộ	930	1,183
Trung bộ và Tây nguyên	230	390
Nam trung bộ và Nam bộ	407	720
Tổng cộng	1,567	2,293

### Tiềm năng công suất điện mặt trời áp mái

Khu vực	Công suất (GW)	Sản lượng điện (MWh/năm)
Bắc bộ và Bắc trung bộ	16.3	21
Trung bộ và Tây nguyên	6	9.5
Nam trung bộ và Nam bộ	26	45.7
Tổng cộng	48.3	76.2

### Tiềm năng công suất điện mặt trời mặt nước

Khu vực	Công suất (GW)	Sản lượng điện (MWh/năm)
Bắc bộ và Bắc trung bộ	25.7	41.2
Trung bộ và Tây nguyên	20	32.2
Nam trung bộ và Nam bộ	31	50

Tổng cộng	76.7	123.4
-----------	------	-------

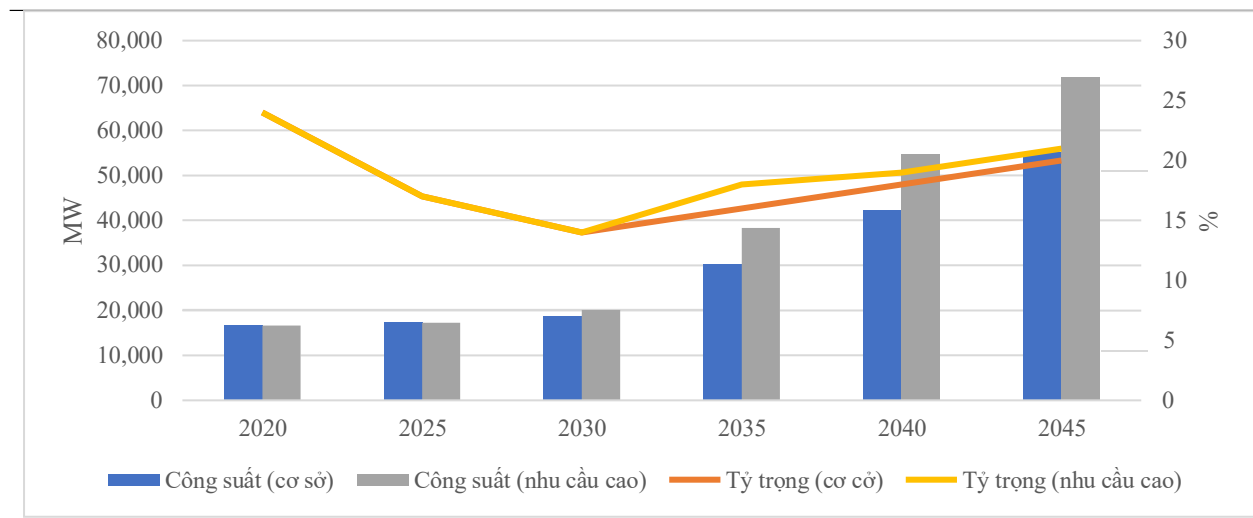
Nguồn: dự thảo quy hoạch điện 8

## 2. Dự thảo quy hoạch điện 8

### Quy hoạch điện 8 – động lực tăng trưởng lớn cho năng lượng mặt trời Việt Nam

Theo cam kết của Việt Nam về giảm thải khí CO<sub>2</sub> và hướng tới mức phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Đề án quy hoạch điện 8 trên tinh thần như vậy và sau nhiều lần dự thảo, chỉnh sửa, bổ sung hướng tới kịch bản mục tiêu năng lượng tái tạo theo Chiến lược phát triển NLTT là kịch bản chính sách cho phát triển nguồn điện toàn quốc trong giai đoạn tới. Cơ cấu công suất có sự thay đổi dần theo hướng giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, tăng dần tỷ trọng nguồn nhiệt điện khí và đặc biệt là năng lượng tái tạo. Tỷ trọng thủy điện sẽ giảm dần do hiện đã khai thác gần hết tiềm năng, các nguồn điện gió và mặt trời sẽ được phát triển mạnh trong tương lai, tỷ trọng công suất nguồn NLTT (gồm cả thủy điện lớn) đạt 50% năm 2020, 48% năm 2030 và 53% năm 2045.

**Công suất điện mặt trời và tỷ trọng/tổng công suất nguồn theo 2 kịch bản  
giai đoạn 2020 – 2045**



Nguồn: quy hoạch điện 8 bổ sung (tháng 5/2023)

Theo đó, tỷ trọng công suất điện mặt trời có xu hướng giảm dần nhẹ trong giai đoạn 2022 – 2030 xuống khoảng 8 – 9% tổng công suất nguồn điện do sự phát triển mạnh mẽ của 2 năm trước đó dẫn tới một số dự án đã đưa vào vận hành thương mại nhưng sau hiệu lực Fit 2 lên vẫn chưa có cơ chế mua bán điện với EVN. Tuy nhiên từ năm 2030 trở đi, tỷ trọng năng lượng điện mặt trời sẽ trở lại mạnh mẽ và chiếm khoảng 20% tổng công suất điện khi đó.

### 3. Cập nhật doanh nghiệp điện mặt trời niêm yết

Hiện nay trên sàn chứng khoán có một số doanh nghiệp đang vận hành và khai thác dự án điện mặt trời nhưng nhìn chung chỉ ở quy mô nhỏ với công suất khoảng 50 MW, duy chỉ có 2 doanh nghiệp là BCG và GEG là có quy mô tương đối với tổng công suất lần lượt là 570 MWG và 260 MW. Tổng quy mô nhà máy điện mặt trời các doanh nghiệp trên sàn ước khoảng 1,500 MW chiếm khoảng 7% tổng công suất các nhà máy tại Việt Nam. Đặc biệt, các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực này phải kể đến như Xuân Thiện Group, Trung Nam Group, Bim Group và T&T group...

**Biên lợi nhuận cao, nguồn thu ổn định:** nhờ tận dụng được ưu đãi từ chính chủ (giá bán điện cao) cùng với chi phí đầu vào giảm dần qua các năm đặc biệt là giai đoạn 2010 – 2015 giúp biên lợi nhuận gộp mảng điện mặt trời luôn ở mức cao, khoảng 50%, thậm chí GEG đạt mức 55% và TTA đạt hơn 60%. Điều này giúp bức tranh KQKD của nhiều doanh nghiệp điện mặt trời như GEG, BCG, ASM, TTA tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2019 – 2021. Tuy nhiên, đà tăng này sẽ bị chững lại bởi giá bán điện mới chưa có, hoặc nếu có sẽ bị giảm so với giá fit trước (fit 2) hoặc có thể việc bán điện mặt trời sẽ được đấu thầu cạnh tranh. Ngoài ra, việc phát triển ở ạt nhiều dự án trong 2 năm 2019 – 2020 khiến việc đầu tư mới khó có thể được chấp thuận trong thời gian tới.

#### Bức tranh kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp niêm yết 2021 - 2022

STT	Mã CK	Sàn	DTT 2022 (tỷ đồng)	Tỷ trọng mảng điện mặt trời (điện)/TDT (%)	Tăng trưởng svck (%)	LNST 2022 (tỷ đồng)	Tăng trưởng svck	(Marcap) 5/2023 (tỷ đồng)	EPS cơ bản TTM 4 quý gần nhất (đồng)	P/E cơ bản (X)	ROE quý 2022 (%)	ROA quý 2022 (%)	Vốn vay ngắn dài hạn/VCSH 2022 (Đơn vị: Lân)	Vốn vay ngắn dài hạn/TTS 2022(Đơn vị: Lân)
1	BCG	HOSE	4,595	72	47	540	75	5,089.28	1,925	4.96	7.89	1.97	1.05	0.32
2	GEG	HOSE	2,093	95	72	370	42	4,491.02	1,024	13.63	8.62	2.59	1.83	0.57
3	TTA	HOSE	808	100	28	205	74	1,739.97	1,195	9.24	10.5	3.98	1.2	0.47
7	HDG	HOSE	3,581	56	-28	1,362	52	7,778.47	5,709	5.57	25.07	8.72	1.15	0.44
8	PCI	HOSE	8,357	31	-34	537	-41	6,455.13	2,066	13.28	7.63	2.55	1.64	0.54

Nguồn: Fiinpro

**Các dự án điện mặt trời của một số doanh nghiệp niêm yết trên sàn và một số doanh nghiệp hàng đầu**

	<b>Tên</b>	<b>Công suất (MW)</b>	<b>Vận hành</b>
BCG	BCG Long An 1	40.6	2019
	BCG Long An 2	100.5	2020
	BCG Phù Mỹ	330	Giai đoạn 1 năm 2020 (214MW)
	BCG Vĩnh Long	49.3	2020
	BCG Gia Lai	49	Chưa vận hành thương mại
GEG	TTC Krong Pa	69	2018
	TTC Phong Điền	48	2018
	TTC Trúc Sơn	44	2019
	TTC Đức Huệ 1	49	2019
	TTC Hàm phú 2	49	2019
TTA	Hồ Núi Một 1	50	2020
	Hồ Bầu Ngủ	61	2019
HDG	Hồng Phong 4	48	2019
	Hà Đô Ninh Phước	50	Chưa vận hành thương mại
GEX	Gelex Ninh Thuận	50	2019
HID	Halcom	29	2020
LIG	LIG - Quảng Trị	49.5	2019
ASM	Sao Mai An Giang	210	2019
Trung Nam Group	Trung Nam Trà Vinh	140	2019
	ĐMT Trung Nam	204	2019
	Trung Nam Thuận Nam	450	2020
T&T Group	Phước Ninh	45	2020
	Thiên Tân 1.2	50	2020
	Thiên Tân 1.3	100	2020
	Hồng Liêm 3	50	2020
BIM Group Xuân Thiện Group	BIM 1,2,3	330	2019
	Xuân Thiện E Súp 1,2,3,4,5	830	2020

*Nguồn: tổng hợp*

## **VỀ Kirin Capital**

Kirin Capital (dưới đây gọi tắt là Kirin) được chuẩn bị và lập kế hoạch vào năm 2021 và chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 2022. Đây là một tổ chức đầu tư vốn cổ phần tư nhân bất nguồn và nghiên cứu chuyên sâu tại thị trường Việt Nam với tôn chỉ “Know Vietnam, Long Vietnam”. Là công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân hiệu quả Việt Nam nhất, dựa trên tầm nhìn “trao quyền cho doanh nhân, đồng hành cùng người thành công”, công ty tìm kiếm các dự án có giá trị đầu tư dài hạn và tăng trưởng cao tại Việt Nam. Từ đó tạo cơ hội cho các nhà đầu tư từ khắp nơi trên thế giới đầu tư vào Việt Nam và chia sẻ lợi nhuận từ sự phát triển nhanh chóng của Việt Nam mang lại.

Nội dung trên là một phần tóm tắt báo cáo của Nhóm nghiên cứu Ngành chăm sóc sức khỏe của Kirin Capital. Cảm ơn vì sự quan tâm của quý nhà đầu tư! Nếu quý nhà đầu tư có bất kỳ nhu cầu hợp tác, đầu tư tài chính, nghiên cứu chuyên sâu nào, vui lòng liên hệ với Kirin Capital:

Vũ Văn Thức - Financial Specialist

Email: [thucvv@kirincapital.vn](mailto:thucvv@kirincapital.vn)

Phone: 0936492884/0355514701

